

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tháng 05 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 từ trang 06 đến trang 45.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh, tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 03/07/2018

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Đức Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty là Công ty mẹ của Công ty con được trình bày tại thuyết minh số 15 và Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Đặng Đức Thành
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Số: 51 /2019/UHYHCM-BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 05 năm 2019, trình bày từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 3.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.274.783.240	59.703.228.067
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.206.996.272	2.577.968.811
Tiền	111		4.206.996.272	2.577.968.811
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.053.811.095	53.720.706.576
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.576.266.522	20.355.554
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	950.797.000	724.651.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	21.541.822.573	52.975.699.522
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(15.075.000)	-
Hàng tồn kho	140	9	1.263.747.520	703.954.949
Hàng tồn kho	141		1.263.747.520	703.954.949
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.750.228.353	2.700.597.731
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	643.950.138	214.584.639
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.106.278.215	2.486.013.092
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.246.860.177	52.679.947.320
Các khoản phải thu dài hạn	210		506.250.000	506.250.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	506.250.000	506.250.000
Tài sản cố định	220		9.331.219.724	2.967.590.884
Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.423.625.000	-
- Nguyên giá	222		6.532.500.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.875.000)	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.907.594.724	2.967.590.884
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	2.999.808.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.213.276)	(32.217.116)
Bất động sản đầu tư	230	13	41.839.833.336	-
- Nguyên giá	231		42.210.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(370.166.664)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.500.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	-	6.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	38.488.880.000	18.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		18.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.488.880.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		24.080.677.117	24.706.106.436
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	24.080.677.117	24.706.106.436
TỔNG TÀI SẢN	270		152.521.643.417	112.383.175.387

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		28.850.765.267	948.221.161
Nợ ngắn hạn	310		8.023.685.267	948.221.161
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	540.886.311	539.621.304
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		95.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	708.231.556	398.964.982
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	56.138.600	9.634.875
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	6.623.428.800	-
Nợ dài hạn	330		20.827.080.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	77.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	20.750.080.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.670.878.150	111.434.954.226
Vốn chủ sở hữu	410	20	123.670.878.150	111.434.954.226
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	109.970.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		120.000.000.000	109.970.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.670.878.150	1.464.954.226
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		1.464.954.226	143.501.507
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		2.205.923.924	1.321.452.719
TỔNG NGUỒN VỐN	440		152.521.643.417	112.383.175.387

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập



Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2018	Năm 2017
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	15.955.391.921	8.335.499.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.955.391.921	8.335.499.797
Giá vốn hàng bán	11	23	4.657.265.688	1.760.015.429
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.298.126.233	6.575.484.368
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	24.903.824	6.407.481
Chi phí tài chính	22	25	1.311.646.987	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.284.326.471	-
Chi phí bán hàng	25	26	2.524.451.641	270.194.632
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	4.882.715.416	4.664.430.304
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.604.216.013	1.647.266.913
Thu nhập khác	31	27	309.880.000	36.160.448
Chi phí khác	32	28	131.853.818	25.289.169
Lợi nhuận khác	40		178.026.182	10.871.279
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.782.242.195	1.658.138.192
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	576.318.271	336.685.473
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.205.923.924	1.321.452.719

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.782.242.195	1.658.138.192
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	539.037.824	32.217.116
Các khoản dự phòng	03	15.075.000	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.170.703)	(6.407.481)
Chi phí lãi vay	06	1.284.326.471	-
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.613.510.787	1.683.947.827
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	24.031.555.358	(54.306.281.924)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(559.792.571)	(326.800.639)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	289.402.508	(189.550.073)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	196.063.820	(24.493.306.304)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.284.326.471)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(336.685.473)	(59.307.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.949.727.958	(77.691.298.346)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.242.500.000)	(2.999.808.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	79.478.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.488.880.000)	(18.000.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.170.703	6.407.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.724.209.297)	(20.913.922.519)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.030.000.000	100.470.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	32.366.549.675	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.993.040.875)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.403.508.800	100.470.000.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.629.027.461	1.864.779.135
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	2.577.968.811	713.189.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	4.206.996.272	2.577.968.811

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và kinh doanh bất động sản.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 01 công ty con, không có công ty liên kết liên doanh.

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp.HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm	60%	60%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo dược xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo dược xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo dược xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo dược xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Hà Nội)	41 Vạn Bảo, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	Buôn bán thực phẩm chức năng
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Thảo dược xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh An Giang)	241 Trưng Nữ Vương nổi dài, Phường Châu Phú B, Huyện Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Buôn bán thực phẩm chức năng

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư góp vốn khác khi Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	40

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong quá trình cho thuê hoạt động phải tiến hành trích khấu hao bất động sản đầu tư và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty thực hiện trích khấu hao theo tài sản cố định hữu hình cùng loại.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính, chi phí cam kết ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.14 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ. Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ thuế tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: kinh doanh hàng hóa và cho thuê sạp, mặt bằng.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Linh Chi Vina, Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty và các Cổ đông ty nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	6.495.000	33.588.500
Tiền gửi ngân hàng	4.200.501.272	2.544.380.311
Cộng	4.206.996.272	2.577.968.811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.576.266.522	-	20.355.554	-
- Bà Lâm Thị Bích Trâm	2.627.002.298	-	-	-
- Ông Đào Quốc Việt	2.776.500.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	1.319.800.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	272.218.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	326.659.524	-	-	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	41.850.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	26.640.000	-	-	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	185.596.200	-	20.355.554	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	667.368.024	-	-	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	272.218.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	326.659.524	-	-	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	41.850.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	26.640.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	950.797.000	(15.075.000)	724.651.500	-
- Công ty Xây dựng Ngân Tháp	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty TNHH Quảng cáo Hoàng Hà	179.547.000	-	-	-
- Công ty TNHH Diamond Bone	165.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Hanacos Vietnam	50.250.000	(15.075.000)	50.250.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	56.000.000	-	174.401.500	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	21.541.822.573	-	52.975.699.522	-
- Quỹ Đầu tư Khởi nghiệp Tỉnh Bến Tre	-	-	1.080.000.000	-
- Ginseng And Herb Co-op	1.285.404.787	-	1.040.328.884	-
- Ông Nguyễn Minh Cường	1.080.000.000	-	-	-
- Ông Lê Đình Phong (*)	19.000.000.000	-	20.458.000.000	-
- Ông Phạm Văn Sơn	-	-	30.000.000.000	-
- Ông Đặng Thanh Sơn	-	-	245.000.000	-
- Tam ứng	-	-	6.600.000	-
- Bảo hiểm xã hội	3.469.125	-	-	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	33.000.000	-	93.000.000	-
- Phải thu thuế TNCN	43.115.949	-	-	-
- Phải thu khác	96.832.712	-	52.770.638	-
Dài hạn	506.250.000	-	506.250.000	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	506.250.000	-	506.250.000	-
Cộng	22.048.072.573	-	53.481.949.522	-

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 06/2018/TDX/BBH-HĐQT ngày 28/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh thông qua chủ trương tiếp tục đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long nhằm nâng tỷ lệ sở hữu, Hội đồng Quản trị đồng ý tạm ứng vốn cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục sở hữu cho Công ty. Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	18.362.000	-
Hàng hoá	610.426.462	-	685.592.949	-
Hàng gửi bán	653.321.058	-	-	-
Cộng	1.263.747.520	-	703.954.949	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	643.950.138	-	214.584.639	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	114.155.612	-	28.899.768	-
- Phí bảo hiểm hòa hoạn	101.755.302	-	-	-
- Chi phí phần mềm	-	-	23.367.934	-
- Chi phí quảng cáo, quay phim	178.689.872	-	114.126.250	-
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	7.566.664	-	13.416.667	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	241.782.688	-	34.774.020	-
Dài hạn	24.080.677.117	-	24.706.106.436	-
- Chi phí thuê 45 sạp (*)	23.580.862.831	-	24.264.366.103	-
- Chi phí ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	164.666.670	-	217.892.459	-
- Chi phí công cụ dụng cụ	108.719.389	-	6.661.917	-
- Chi phí phần mềm quản lý	-	-	127.777.521	-
- Chi phí quảng cáo, quay phim	84.174.027	-	11.558.134	-
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	2.224.996	-	51.744.767	-
- Phí thi công thiết kế nội thất	31.714.535	-	26.105.535	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	108.314.669	-	-	-
Cộng	24.724.627.255	-	24.920.691.075	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

(*) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc Công ty ký hợp đồng với Công ty CP Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích là 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2018	-	-
- Mua trong năm (*)	6.532.500.000	6.532.500.000
Tại 31/12/2018	<u>6.532.500.000</u>	<u>6.532.500.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2018	-	-
- Khấu hao trong năm	(108.875.000)	(108.875.000)
Tại 31/12/2018	<u>(108.875.000)</u>	<u>(108.875.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2018	-	-
Tại 31/12/2018	<u>6.423.625.000</u>	<u>6.423.625.000</u>

(*) Tài sản cố định hữu hình là Shop House T1.09 và T1.10 Lô AB Chung cư Aview thuộc Khu dân cư 13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh Công ty nhận chuyển nhượng từ Bà Lâm Thị Diệu Hương và Ông Đặng Đức Thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 6.423.625.000 đồng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2018	2.999.808.000	2.999.808.000
Tại 31/12/2018	<u>2.999.808.000</u>	<u>2.999.808.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2018	(32.217.116)	(32.217.116)
- Khấu hao trong năm	(59.996.160)	(59.996.160)
Tại 31/12/2018	<u>(92.213.276)</u>	<u>(92.213.276)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2018	2.967.590.884	2.967.590.884
Tại 31/12/2018	<u>2.907.594.724</u>	<u>2.907.594.724</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần, thửa đất số 653 tờ bản đồ số 5 diện tích đất là 9.374,4 m² tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 19/06/2067.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.907.594.724 đồng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Tại 01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	42.210.000.000	-	42.210.000.000
- Quyền sử dụng đất	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	-	22.210.000.000	-	22.210.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	(370.166.664)	-	(370.166.664)
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	(370.166.664)	-	(370.166.664)
Giá trị còn lại	-	41.839.833.336	-	41.839.833.336
- Quyền sử dụng đất	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Cơ sở hạ tầng	-	21.839.833.336	-	21.839.833.336

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9, diện tích đất là 5.510,1 m² tại Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, thời hạn sử dụng đất là lâu dài và tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián tại số 72 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Công ty mua những tài sản này với mục đích cho thuê.

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 41.839.833.336 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ 1.10 Lô AB chung cư Aview	-	3.700.000.000
- Chi phí mua sắm Lô 1.09 Chung cư Aview	-	2.800.000.000
Cộng	-	6.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	38.488.880.000	-	38.171.290.675	18.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	18.000.000.000	-	18.177.047.924	18.000.000.000	18.000.000.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina (*)	18.000.000.000	-	18.177.047.924	18.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	20.488.880.000	-	19.994.242.751	-	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long (**)	20.488.880.000	-	19.994.242.751	-	-

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Linh Chi Vina với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 60% tương ứng với 1.800.000 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Linh chi Vina đã được kiểm toán.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 17,77% tương ứng với 1.955.000 cổ phần phổ thông. Giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long chưa được kiểm toán. Ngoài ra, vào ngày 04/04/2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 1.556.980 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long, nâng tổng số lượng sở hữu phổ thông sở hữu lên thành 3.511.980 cổ phần, tương ứng với với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 31,93%.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	540.886.311	540.886.311	539.621.304	539.621.304
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	334.020.000	334.020.000	241.990.000	241.990.000
- Báo Sài Gòn Giải phóng	72.545.000	72.545.000	30.500.000	30.500.000
- Công ty TNHH Ngọc Tháp Cầu	55.000.000	55.000.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	79.321.311	79.321.311	267.131.304	267.131.304
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	334.020.000	334.020.000	241.990.000	241.990.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	334.020.000	334.020.000	241.990.000	241.990.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2018		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		Tại 31/12/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.812.809	228.228.309	177.163.840	84.877.278	131.517.078	-	-	
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	131.517.078	131.517.078	84.877.278	-	-	-	
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	22.736.700	136.369.873	159.106.573	-	-	-	-	
- Thuế xuất nhập khẩu	336.685.473	576.318.271	336.685.473	576.318.271	-	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.730.000	164.412.832	123.106.825	576.318.271	-	-	-	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.249.855	2.249.855	47.036.007	-	-	-	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	252.068.000	252.068.000	-	-	-	-	
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-	
Cộng	398.964.982	1.491.164.218	1.181.897.644	708.231.556	1.181.897.644	708.231.556	708.231.556	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	56.138.600	9.634.875
- Bảo hiểm xã hội	-	9.634.875
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.138.600	-
Dài hạn	77.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	77.000.000	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2018		Trong năm		Tại 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	Vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.623.428.800	6.623.428.800	10.080.789.675	3.457.360.875	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (*)	3.909.188.800	3.909.188.800	7.366.549.675	3.457.360.875	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	2.714.240.000	2.714.240.000	2.714.240.000	-	-	-
Vay, nợ thuê tài chính dài hạn	20.750.080.000	20.750.080.000	25.000.000.000	4.249.920.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (**)	20.750.080.000	20.750.080.000	25.000.000.000	4.249.920.000	-	-
Cộng	27.373.508.800	27.373.508.800	35.080.789.675	7.707.280.875	-	-

(*) Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 391B18 ngày 30/10/2018:

- Tổng hạn mức cho vay: 12.000.000.000 đồng;

- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;

- Thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

- Lãi suất cho vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

- Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán mua được phẩm, vật tư y tế và các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ khác phục vụ hoạt động kinh doanh;

- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;

+ Hợp đồng thế chấp số 376/NHNT-KH/TC/18 ngày 30/10/2018: tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ 45 Hợp đồng thuê dài hạn địa điểm kinh doanh ở vừa trong nhà lồng Chợ A thuộc Chợ đầu mối Nông sản thực phẩm Thủ Đức, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo dược xanh và Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức ngày 01/08/2017;

+ Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 ngày 28/03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 Lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- + Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
- + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

(**) Bao gồm hai hợp đồng cho vay theo hạn mức sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 070C18 tháng 03/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 5.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua căn hộ 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng và cửa hàng công ty;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
- + Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 158C18 tháng 06/2018:

- Tổng số tiền cho vay tối đa: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Phương thức cho vay: từng lần;
- Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng tầng 2 - khu chung cư thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng theo hợp đồng mua bán chung cư thương mại công chứng số 1579 ngày 11/04/2018 giữa bà Nguyễn Hồng Thủy và Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh;
- Lãi suất cho vay: lãi suất cố định trong vòng 02 năm kể từ ngày nhận nợ (lãi suất cố định này sẽ được xác định tại thời điểm nhận nợ đầu tiên theo thông báo của HSC), sau thời gian này lãi suất là thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây từng thời kỳ;
- Tài sản thế chấp theo các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng số 621/NHNT-KH/TC/17 ngày 04/01/2018: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
- + Hợp đồng thế chấp số 111/NHNT-KH/TC/18 tháng 03/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Ấp 5, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

+ Hợp đồng thế chấp số 218/NHNT-KH/TC/18 ngày 18/06/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tầng 2 (thương mại dịch vụ) Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng;
+ Ngoài ra nghĩa vụ của Công ty đối với hợp đồng cấp tín dụng nêu trên còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Ngân hàng với Công ty và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Đặng Đức Thành	26,61%	31.930.000.000	29,04%	31.930.000.000
Bà Lâm Thị Diệu Hương	6,28%	7.530.000.000	7,46%	8.200.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến	4,68%	5.610.000.000	1,46%	1.610.000.000
Ông Cổ Đức Trọng	4,42%	5.300.000.000	4,82%	5.300.000.000
Bà Phan Thị Nhiều	4,00%	4.800.000.000	4,36%	4.800.000.000
Bà Đặng Bích Hồng	3,42%	4.100.000.000	3,73%	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	30,00%	36.000.000.000	32,74%	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	4,17%	5.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	16,42%	19.730.000.000	16,39%	18.030.000.000
Cộng	100%	120.000.000.000	100%	109.970.000.000

20.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2017	9.500.000.000	143.501.507	9.643.501.507
- Tăng vốn trong năm (*)	100.470.000.000	-	100.470.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	1.321.452.719	1.321.452.719
Tại 31/12/2017	109.970.000.000	1.464.954.226	111.434.954.226
Tại 01/01/2018	109.970.000.000	1.464.954.226	111.434.954.226
- Tăng vốn trong năm (*)	10.030.000.000	-	10.030.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	2.205.923.924	2.205.923.924
Tại 31/12/2018	120.000.000.000	3.670.878.150	123.670.878.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 09/BBH/ĐHĐCĐ-2017 ngày 31/12/2017 về việc tăng vốn góp của chủ sở hữu từ 9.500.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng và Nghị quyết số 55/2018/TDX/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị về việc thay đổi đối tượng và kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 đồng.

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	109.970.000.000	9.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.030.000.000	100.470.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	109.970.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2018 Cổ phiếu	Tại 01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	12.000.000	10.997.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Tại 31/12/2018		Tại 01/01/2018	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	15.058.098	647,38	6.605.687	290,10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	15.955.391.921	8.335.499.797
- Doanh thu bán hàng hóa	10.843.370.188	7.048.954.344
- Doanh thu cho thuê sạp, mặt bằng	5.112.021.733	1.286.545.453
Doanh thu với các bên liên quan	4.256.286.702	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	3.329.485.608	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	830.830.004	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	71.752.908	-
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	24.218.182	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.603.595.752	1.475.222.429
Giá vốn cho thuê sạp, mặt bằng	1.053.669.936	284.793.000
Cộng	4.657.265.688	1.760.015.429

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.170.703	6.407.481
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.733.121	-
Cộng	24.903.824	6.407.481

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.284.326.471	-
Chi phí tài chính khác	27.320.516	-
Cộng	1.311.646.987	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.882.715.416	4.664.430.304
- Chi phí nhân viên quản lý	3.647.245.584	3.026.972.000
- Chi phí vật liệu quản lý	-	12.997.273
- Chi phí đồ dùng văn phòng	99.037.321	10.787.947
- Chi phí khấu hao TSCĐ	108.875.000	32.217.116
- Thuế, phí và lệ phí	16.201.111	39.900.976
- Chi phí dự phòng	15.075.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.914.909	1.193.518.257
- Chi phí bằng tiền khác	932.366.491	348.036.735
Chi phí bán hàng	2.524.451.641	270.194.632
- Chi phí nhân viên bán hàng	149.986.333	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.156.250	79.597.500
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	121.257.878	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.417.014	181.093.518
- Chi phí bằng tiền khác	2.241.634.166	9.503.614
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hàng mẫu, hàng quà tặng từ hội thảo	69.880.000	-
Tiền tài trợ hội thảo	40.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý thỏa thuận giữ chỗ căn 01.05 và 01.06 DA D-VELA	200.000.000	-
Thu nhập khác	-	36.160.448
Cộng	309.880.000	36.160.448

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí ủng hộ quỹ thanh niên Việt Nam tại Mỹ	63.333.330	-
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất (tài sản chưa dùng)	59.996.160	-
Phạt vi phạm hành chính	900.528	17.697.489
Chi hộ phí kiểm nghiệm tòi đen	6.073.800	-
Các khoản chi phí khác	1.550.000	7.591.680
Cộng	131.853.818	25.289.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

29. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	3.797.231.917	3.026.972.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.608.752.002	1.567.817.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.037.824	32.217.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.130.394	1.670.192.722
Chi phí bằng tiền khác	3.174.000.657	397.441.325
Cộng	12.093.152.794	6.694.640.365

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.782.242.195	1.658.138.192
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	99.349.158	25.289.169
Các khoản điều chỉnh tăng	99.349.158	25.289.169
- Chi phí không được trừ	98.448.630	7.591.680
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	900.528	17.697.489
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.881.591.353	1.683.427.361
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	576.318.271	336.685.473
Cộng thuế TNDN hiện hành	576.318.271	336.685.473

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: bán hàng hóa và cho thuê sạp, mặt bằng. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu. Công ty hoạt động trong trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2018

	Bán hàng hóa	Cho thuê sạp mặt bằng	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.843.370.188	5.112.021.733	15.955.391.921
Giá vốn bộ phận	(3.603.595.752)	(1.053.669.936)	(4.657.265.688)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.239.774.436	4.058.351.797	11.298.126.233
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7.407.167.057)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.890.959.176
Doanh thu hoạt động tài chính			24.903.824
Chi phí tài chính			(1.311.646.987)
Thu nhập khác			309.880.000
Chi phí khác			(131.853.818)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(576.318.271)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.205.923.924
Tổng Tài sản			152.521.643.417
Tổng Nợ phải trả			28.850.765.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2018 VND	Tại 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.206.996.272	2.577.968.811
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.577.754.021	53.495.705.076
Cộng	33.784.750.293	56.073.673.887
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	27.373.508.800	-
Phải trả người bán và phải trả khác	674.024.911	539.621.304
Cộng	28.047.533.711	539.621.304
Trạng thái ròng	5.737.216.582	55.534.052.583

TÀI SẢN ĐẢM BẢO**Tài sản cầm cố, thế chấp cho đơn vị khác**

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để cầm cố, thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TIẾP)

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2018.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ, hàng hóa được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty chưa có chính sách tín dụng nhưng có thực hiện theo dõi tình hình công nợ đối với các khách hàng phát sinh giao dịch lớn và thường xuyên để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2018				
Vay và nợ thuê tài chính	6.623.428.800	10.856.960.000	9.893.120.000	27.373.508.800
Phải trả người bán và phải trả khác	597.024.911	77.000.000	-	674.024.911
Cộng	7.220.453.711	10.933.960.000	9.893.120.000	28.047.533.711
Tại 01/01/2018				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	539.621.304	-	-	539.621.304
Cộng	539.621.304	-	-	539.621.304

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.206.996.272	-	-	4.206.996.272
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.071.504.021	506.250.000	-	29.577.754.021
Cộng	33.278.500.293	506.250.000	-	33.784.750.293
Tại 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.577.968.811	-	-	2.577.968.811
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.989.455.076	506.250.000	-	53.495.705.076
Cộng	55.567.423.887	506.250.000	-	56.073.673.887

33. THÔNG TIN KHÁC**33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

33.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vừa có tổng diện tích 488,30 m² tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

33.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo.

33.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.5 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.5 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	Cổ đông
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	Công ty nhận đầu tư
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	Công ty con
- Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	Cổ đông Thành viên HĐQT
- Ông Lê Đình Phong	Cổ đông

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu và thu nhập khác với bên liên quan	4.326.166.702	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	3.329.485.608	1.286.545.453
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	830.830.004	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	71.752.908	-
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	94.098.182	-
Mua TSCĐ, hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan	7.404.298.727	24.721.229.103
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	316.503.727	24.549.159.103
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	587.795.000	172.070.000
- Ông Đặng Đức Thành	3.700.000.000	-
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	2.800.000.000	-
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2018	Tại 01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	667.368.024	-
- Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	272.218.500	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Việt May	326.659.524	-
- Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ ước Cửu Long	41.850.000	-
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	26.640.000	-
Phải trả người bán	334.020.000	241.990.000
- Công ty Cổ phần Linh chi Vina	334.020.000	241.990.000
Phải thu khác	19.000.000.000	20.458.000.000
- Ông Lê Đình Phong	19.000.000.000	20.458.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.5 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	630.000.000	369.120.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Bến Tre, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Nguyễn Quốc Việt

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

PHÂN ỦY